

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 649/2024/HS-ST
Ngày 28 - 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phú

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trang Văn Hai

2/ Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Thanh, cán bộ TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- **Đại diện VKS nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai, tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2024 tại Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 624/2024/HSST ngày 21 tháng 10 năm 2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 646/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1983.

Nơi cư trú: 34/26, khu phố s, phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: kinh. Tôn giáo: Thiên chúa

Trình độ học vấn: 6/12. Nghề nghiệp: Không. Chức vụ trước khi phạm tội: Không.

Con ông U, sinh năm 1944 (đã chết) và bà N, sinh năm 1944 (Còn sống). Gia đình có 09 anh chị em, bị cáo là con thứ tám. Có vợ là Q, sinh năm 1983; bị cáo có hai con: con lớn sinh năm 2015 và con nhỏ sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 27/6/2002, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 08(tám) năm tù về tội “Cướp tài sản”. Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 17/5/2008.

- Ngày 14/12/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”. Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 17/01/2014.

Bị cáo bị giam giữ từ ngày 09/7/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

D là người sử dụng trái phép chất ma túy.

Vào khoảng 15 giờ ngày 06/7/2024, D đi xe buýt đến khu vực đường Đ, thuộc quận V, thành phố Hồ Chí Minh, gặp một người đàn ông (chưa rõ nhân thân lai lịch) mua 01 gói ma túy với giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mục đích để sử dụng. Sau khi mua ma túy, D đem về phòng ngủ của D tại nhà số 34/26, khu phố S, phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. D lấy gói ma túy đổ hết vào nỏ thủy tinh, sử dụng một phần, phần ma túy còn lại, D tiếp tục cất giấu trong nỏ để trên bàn trong phòng ngủ của D. Đến 13 giờ ngày 09/7/2024, khi D đang ở phòng ngủ của D tại địa chỉ nêu trên, thì Công an thành phố B phối hợp với Công an phường N kiểm tra, phát hiện bắt quả tang và thu giữ 01 nỏ thủy tinh chứa ma túy. Lực lượng Công an tiếp tục kiểm tra phát hiện và thu giữ trong túi quần phía trước bên phải của D đang mặc 01 khẩu súng có dòng chữ ZORAKI MOD 914-TA3YXR11YS01-2101096, bên trong có 01 hộp tiếp đạn, chứa 06 viên đạn (trên vỏ đạn có dòng chữ YAS GLD PAK 9mm, đầu đạn bi).

Tại Cơ quan điều tra, D đã khai nhận hành vi phạm tội như trên.

Vật chứng thu giữ:

- 01 nỏ thủy tinh bên trong chứa chất màu trắng, đã được niêm phong, có chữ ký của D, người chứng kiến và hình dấu mộc tròn của Công an phường Hồ Nai.

- 01 khẩu súng có khắc dòng chữ ZORAKI MOD 914- TA3YXR11YS01-2101096, bên trong có 01 hộp tiếp đạn, chứa 06 viên đạn (trên vỏ đạn có dòng chữ YAS GLD PAK 9mm, đầu đạn bi).

- 01 điện thoại hiệu Samsung màu xanh, của D sử dụng liên lạc với người có tên “C” (không rõ nhân thân) để mua khẩu súng và 06 viên đạn.

Tại Bản kết luận giám định số: 1417/KL-KTHS ngày 15/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

“Mẫu chất màu trắng chứa trong 01 nỏ thủy tinh được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,6011 gam, loại: Methamphetamine”.

Tại Bản kết luận giám định số: 4404/KL-KTHS ngày 25/7/2024 của Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

“Khẩu súng có khắc dòng chữ ZORAKI MOD 914-TA3YXR11YS01-2101096, gửi giám định là công cụ hỗ trợ, thuộc loại súng bắn đạn cao su cỡ (9x22) mm, không phải là vũ khí quân dụng”.

- 06 viên đạn bằng kim loại màu vàng có ký hiệu YAS GLD PAK 9mm, đầu đạn bi gửi giám định là vũ khí được chế tạo thủ công có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và thuộc vũ khí quân dụng.

- Khẩu súng và 06 viên đạn gửi giám định nêu trên không liên quan đến các vụ án mà C09B lưu giữ.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Tại Cáo trạng số 597/CT-VKSBH ngày 14/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B đã truy tố các bị cáo D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai giữ nguyên Cáo trạng truy tố bị cáo D về tội D, điều luật áp dụng nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo D 20 (hai mươi) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy:

+ Toàn bộ lượng ma túy và 01 nỏ thủy tinh Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu giữ sau giám định (trong gói niêm phong số 1417/KL-KTHS ngày 15/7/2024, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng).

+ 01 khẩu súng có khắc dòng chữ ZORAKI MOD 914- TA3YXR11YS01-2101096, bên trong có 01 hộp tiếp đạn.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay là thống nhất, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ.

Do vậy, có đủ cơ sở để khẳng định: Vào khoảng 13 giờ ngày 09/7/2024, tại nhà của D, địa chỉ 34/26, khu phố 6, phường N, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, D đang có hành vi tàng trữ trái phép 0,6011 gam ma túy, loại Methamphetamine, thì bị Công an thành phố B phối hợp với Công an phường N phát hiện bắt quả tang cùng tang vật.

Tại Bản kết luận giám định số: 1417/KL-KTHS ngày 15/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng Nai kết luận:

Mẫu chất màu trắng chứa trong 01 nỏ thủy tinh được niêm phong gửi đến giám định là ma túy, có khối lượng 0,6011 gam, loại: Methamphetamine.

Tại Bản kết luận giám định số: 4404/KL-KTHS ngày 25/7/2024 của Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Khẩu súng có khắc dòng chữ ZORAKI MOD 914-TA3YXR11YS01- 2101096, gửi giám định là công cụ hỗ trợ, thuộc loại súng bắn đạn cao su cỡ (9x22) mm, không phải là vũ khí quân dụng.

- 06 viên đạn bằng kim loại màu vàng có ký hiệu YAS GLD PAK 9mm, đầu đạn bi gửi giám định là vũ khí được chế tạo thủ công có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và thuộc vũ khí quân dụng.

- Khẩu súng và 06 viên đạn gửi giám định nêu trên không liên quan đến các vụ án mà C09B lưu giữ.

Bị cáo đồng ý với kết luận giám định và không khiếu nại thắc mắc gì.

Từ những phân tích trên, xét thấy Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo D về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng căn cứ pháp luật.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

D có hành vi tàng trữ trái phép 0,6011 gam ma túy, loại Methamphetamine. Hành vi của bị cáo D đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quyết định

hình phạt đối với các bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng: Không có.
- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, sáu khi xem xét đặc điểm nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt tù bị cáo trên mức khởi điểm của khung hình phạt mới đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về vật chứng vụ án:

- Tịch thu tiêu hủy:
 - + Toàn bộ lượng ma túy và 01 nỏ thủy tinh Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu giữ sau giám định (trong gói niêm phong số 1417/KL-KTHS ngày 15/7/2024, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng).
 - + 01 khẩu súng có khắc dòng chữ ZORAKI MOD 914- TA3YXR11YS01-2101096, bên trong có 01 hộp tiếp đạn.

[6]. Về án phí: Áp dụng Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Đối với hành vi tàng trữ 06 viên đạn (trên vỏ đạn có dòng chữ YAS GLD PAK 9mm, đầu đạn bi) có tính năng, tác dụng tương tự vũ khí quân dụng và thuộc vũ khí quân dụng, 01 điện thoại di động hiệu Samsung màu xanh, D sử dụng liên lạc để mua súng và đạn. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã tách hành vi và các vật chứng trên, chuyển đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Đồng Nai để điều tra theo thẩm quyền.

(Đối với hành vi tàng trữ 01 khẩu súng có khắc dòng chữ ZORAKI MOD 914-TA3YXR11YS01-2101096, bên trong có 01 hộp tiếp đạn, là công cụ hỗ trợ. Kết quả điều tra xác định, D chưa bị xử phạt vi phạm hành chính và chưa bị kết án về các hành vi quy định tại Điều 306 Bộ luật hình sự, Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Đối với người đã bán ma túy cho D tại quận V, thành phố Hồ Chí Minh, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã chuyển nguồn tin trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận V để tiếp tục điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo D phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

-Áp dụng khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo D 01(một) năm 08 (tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 09/7/2024.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Toàn bộ lượng ma túy và 01 nỏ thủy tinh Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B thu giữ sau giám định (trong gói niêm phong số 1417/KL-KTHS ngày 15/7/2024, của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đồng).

+ 01 khẩu súng có khắc dòng chữ ZORAKI MOD 914- TA3YXR11YS01-2101096, bên trong có 01 hộp tiếp đạn

(Tại biên bản giao nhận vật chứng 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

3. Về án phí: - Áp dụng điều 58 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23, 26 và 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo D phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. B
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. B;
- Nhà tạm giữ CATPBH;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HS, THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phú

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 27-HS:

Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại các điều 254, 260 và 423 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm vụ án hình sự. Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án hình sự sơ thẩm kèm theo:

(1) và (4) nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi tên Tòa án nhân dân quận (huyện, thị xã, thành phố) gì thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án quân sự khu vực thì ghi tên Tòa án quân sự khu vực gì thuộc quân khu, quân chủng nào; nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi số Bản án, ô thứ hai ghi năm ra Bản án (ví dụ: **16/2017/HS-ST**).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày hoặc nghị án kéo dài.

(5) nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, bỏ dòng Thẩm phán..., đối với Hội thẩm nhân dân (quân nhân) chỉ ghi đầy đủ họ tên của hai Hội thẩm nhân dân (quân nhân); nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Cần chú ý không ghi chức vụ của Thẩm phán; đối với vụ án hình sự thông thường thì không ghi chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân); đối với vụ án hình sự có bị cáo là người dưới 18 tuổi thì ghi nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân (quân nhân). Nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi đầy đủ họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1); ghi họ tên Kiểm sát viên thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì

ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) (4). Nếu vụ án được xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) và (12) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bị D, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Trường hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(13) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(14) và (15) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi rõ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ là ghi quan hệ như thế nào với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(16) nếu có người bào chữa thì ghi đầy đủ họ tên của người bào chữa và họ tên của bị cáo được bào chữa; nếu người bào chữa là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào (ví dụ: Ông Trần B, Luật sư Văn phòng luật sư Vạn Xuân thuộc Đoàn luật sư tỉnh H bào chữa cho Nguyễn Văn C); nếu không phải là luật sư thì ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bào chữa (ví dụ: Bà Lê Thị M, bào chữa viên nhân dân công tác tại Hội luật gia tỉnh M bào chữa cho Nguyễn Văn D); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(17), (18), (19), (20), (21), (22), (23) và (24) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Trường hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, D dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(25) nếu bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có người bảo vệ quyền lợi cho họ, thì ghi đầy đủ họ tên của họ theo thứ tự; nếu người bảo vệ quyền lợi của đương sự là luật sư thì ghi luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào; nếu không phải là luật sư thì

ghi nghề nghiệp, nơi công tác của người bảo vệ quyền lợi cho đương sự; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(26) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(27) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(28) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại các điểm d, đ và e khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(29) tùy từng trường hợp mà ghi rõ căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(30) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(31) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)